

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020.

“*V/v Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Long Ca.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều SMi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2020/TLST-DS, ngày 25/02/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-DS, ngày 25/8/2020 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đăk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk N – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Đào Minh T, sinh năm 1973 và chị Lê Thị Mỹ Á, sinh năm 1974; Địa chỉ: Bon Bu D, xã Quảng Tr, huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk N – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hải Đ trình bày:

Vào ngày 10 tháng 10 năm 2018, vợ chồng anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á có đến hỏi vay của tôi số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) hẹn đến ngày 24/10/2018 sẽ trả, khi vay hai bên có viết giấy tờ tay với nhau nhưng không thỏa thuận về lãi suất. Đến hạn trả nợ tôi gọi điện cho anh T nhiều lần yêu cầu anh T phải trả số tiền nói trên nhưng anh T cứ khất nợ và không trả số tiền nói trên cho tôi.

Nay tôi làm đơn yêu cầu tòa án buộc anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á trả cho tôi số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) và lãi suất quá hạn kể từ ngày 25/10/2018 cho đến khi kết thúc vụ án.

* Bị đơn anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon Bu D, xã Quảng Tr, huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk N. Tuy nhiên, qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á đã bỏ đi khỏi địa

phương hiện nay không rõ đang làm gì, ở đâu, khi đi không báo cho chính quyền địa phương biết. Do anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á hiện không có mặt tại địa phương nên Tòa án không tiến hành được việc lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á theo quy định.

Như vậy, trường hợp của anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á phải trả số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của Viện kiểm sát: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hải Đ. Buộc anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á phải trả cho anh Nguyễn Hải Đ số tiền 83.508.000 đồng (*Tám mươi ba triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*); Tiền lãi quá hạn (từ ngày 25/10/2018 đến ngày 30/9/2020 là 23 tháng 05 ngày: $70.000.000 \times 0,833\% / \text{tháng} \times 23 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 13.508.000 \text{ đồng}$) (*Mười ba triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng*).

Về án phí: Buộc anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.175.000 đồng (*Bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*); Trả lại cho anh Nguyễn Hải Đ số tiền 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) anh Nguyễn Hải Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000812, ngày 20/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa anh Nguyễn Hải Đ với anh Đào Minh T; Bị đơn anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á cư trú tại Bon Bu D, xã Quảng Tr, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk N. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk N.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn lên làm việc. Tuy nhiên bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho nguyên đơn biết. Như vậy, trường hợp của anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho anh T, chị Á theo thủ tục chung của pháp luật. Do bị đơn anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á vắng mặt, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được. Tại phiên tòa ngày 14/9/2020 anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 10 tháng 10 năm 2018, anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á có đến hỏi vay của tôi số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) hẹn đến ngày 24/10/2018 sẽ trả, khi vay hai bên có viết giấy tờ tay với nhau nhưng không thỏa thuận về lãi suất. Đến hạn trả nợ anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á không trả số tiền nói trên cho anh Đ.

Vì vậy, anh Đ khởi kiện yêu cầu anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á phải trả cho anh Đ số tiền gốc 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

Nhận định của Hội đồng xét xử:

[4] Xuất phát từ hợp đồng vay tài sản anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho anh Đ. Tại giấy thỏa thuận ngày 10 tháng 10 năm 2018 anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á vay của anh Đ số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) nhưng hai bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn thanh toán vào ngày 24/10/2018.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự thì lãi suất do thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này. Do các bên không có thỏa thuận về lãi suất đến ngày 24/10/2018 anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á vẫn chưa trả được tiền nên anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á ngoài việc trả số tiền gốc thì anh T, chị Á còn phải trả lãi suất quá hạn từ ngày 25/10/2018 cho đến khi kết thúc vụ án là có căn cứ. Như vậy anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á phải trả cho anh Nguyễn Hải Đ số tiền gốc 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*); Tiền lãi quá hạn (từ ngày 25/10/2018 đến ngày 30/9/2020 là 23 tháng 05 ngày: $70.000.000 \times 0,833\% / \text{tháng} \times 23 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 13.508.000$ đồng (*Mười ba triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng*)). Như vậy cả gốc và lãi 83.508.000 đồng (*Tám mươi ba triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng*).

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hải Đ. Buộc anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á phải trả cho anh Nguyễn Hải Đ số tiền 83.508.000 đồng (*Tám mươi ba triệu năm trăm lẻ tám*

ngàn đồng). Trong đó tiền gốc 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*); Tiền lãi quá hạn 13.508.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm lẻ tám ngàn đồng*).

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 4.175.000 đồng (*Bốn triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*). Buộc anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 4.175.000 đồng (*Bốn triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

Trả lại cho anh Nguyễn Hải Đ số tiền 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) anh Nguyễn Hải Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000812, ngày 20/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 357 ; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hải Đ đối với anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á.

Buộc anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á phải trả cho anh Nguyễn Hải Đ số tiền 83.508.000 đồng (*Tám mươi ba triệu năm trăm lẻ tám ngàn đồng*). Trong đó tiền gốc 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*); Tiền lãi quá hạn 13.508.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm lẻ tám ngàn đồng*).

Nếu anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á chậm trả số tiền nêu trên thì anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc anh Đào Minh T và chị Lê Thị Mỹ Á phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.175.000 đồng (*Bốn triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*); Trả lại cho anh Nguyễn Hải Đ số tiền 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) anh Nguyễn Hải Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000812, ngày 20/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk N.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk N;
- VKSND huyện Tuy Đ;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Phan Long Ca